

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	8 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101971512 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 12 tháng 06 năm 2023.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: A28-BT6, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cảnh, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).

- Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 30.000.000 cổ phần.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trần Việt Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông: Bùi Thức Dục	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/05/2023)
Ông: Trần Trọng Tính	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/05/2023)
Ông: Nguyễn Hữu Lợi	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 29/05/2023)
Bà Đồng Thị Trang	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 29/05/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, lãnh đạo quản lý đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Thức Dục	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/01/2023)
Ông: Nguyễn Hữu Lợi	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 05/01/2023)

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Hoàng Ngọc Quyết	Trưởng BKS (Bỏ nhiệm ngày 29/5/2023)
-----------------------	--------------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28-BT6, KĐT Mỹ Đình 2, Đ. Trần Văn Cảnh, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Bà: Lê Thị Hòa

Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 29/5/2023)

Bà: Lê Hồng Ngọc

Thành viên BKS

Bà: Đặng Thị Tâm

Thành viên BKS

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28-BT6, KĐT Mỹ Đình 2, Đ. Trần Văn Cảnh, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



The stamp is circular and red, containing the text: "M.S.D.N: 0101077500", "CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM", and "THÀNH PHỐ HÀ NỘI". A blue ink signature is written over the stamp.

Trần Việt Hùng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 446/BCKT-TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty đang có khoản vay quá hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam số tiền 36.300.000.000 đồng chiếm 11,87% tổng tài sản của Công ty, số lãi vay Công ty phải trả tại thời điểm 30/06/2023 kiểm toán ước tính là 2.082.505.253 đồng. (Chi tiết quá hạn được thuyết minh tại Thuyết minh số 12 – Vay và nợ thuê tài chính).

Trong kỳ, Công ty đã thu hồi khoản vốn đầu tư mua thiết bị thi công từ năm trước và thực hiện góp vốn kinh doanh với Công ty CP Xây dựng và Công nghệ PCCC HTC (số tiền 48.000.000.000 VND, chiếm 14,83% tổng Tài sản Công ty tại Báo cáo tài chính năm 2022) và Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát (số tiền 100.000.000.000 VND, chiếm 30,90% tổng Tài sản Công ty tại Báo cáo tài chính năm 2022). Tuy nhiên đơn vị chưa thực hiện công bố thông tin bất thường hai giao dịch trên theo hướng dẫn tại thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Kết luận ngoại trừ

Theo kết luận của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn *“Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”*, báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thuyết minh 1 – Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp phần thuyết minh về Các sự kiện ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ: Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty không phát sinh Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính mà chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính từ 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Như đã trình bày ở thuyết minh 29 – Khả năng hoạt động liên tục phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty là 40.130.540.343 VND, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là: 39.030.215.196 VND. Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty chủ yếu là số dư nợ Ngân sách nhà nước là 2.090.605.863 VND; Nợ gốc vay ngân hàng là 36.300.000.000 VND; lãi vay Ngân hàng ước tính phải trả là 2.082.505.253 VND và các khoản nợ phải trả khác. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai từ các dự án hợp tác kinh doanh.

Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính của công ty kèm theo được lập với giả định công ty tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán : 0739-2023-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.738.265.241	323.629.051.602
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	168.163.836	296.086.826
111	1. Tiền		168.163.836	296.086.826
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	2.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.431.598.632	323.226.390.396
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	7.238.300	60.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6.a	5.424.360.332	323.166.390.396
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
141	1. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		138.502.773	104.574.380
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		138.502.773	104.574.380
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		300.000.000.000	-
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		300.000.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	6.b	300.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	- Nguyên giá		-	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		305.738.265.241	323.629.051.602

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		44.768.480.437	62.331.074.785
310	I. Nợ ngắn hạn		44.768.480.437	62.331.074.785
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	7	1.121.881.857	2.753.372.894
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8	2.550.228.914	20.236.010.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	2.090.605.863	2.090.605.863
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	2.082.505.253	331.175.342
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	11	206.983.501	203.635.637
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	36.300.000.000	36.300.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		416.275.049	416.275.049
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		260.969.784.804	261.297.976.817
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	260.969.784.804	261.297.976.817
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(148.500.000)	(148.500.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.248.825.147	1.248.825.147
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(40.130.540.343)	(39.802.348.330)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(39.802.348.330)	21.123.068.230
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(328.192.013)	(60.925.416.560)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		305.738.265.241	323.629.051.602

Người lập biểu



Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng



Đỗ Phương Dung

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023



Chủ tịch HĐQT



Trần Việt Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Đơn vị tính: VND Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	-	21.863.727.216
i0	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		-	21.863.727.216
11	4. Giá vốn hàng bán	15	-	21.723.980.182
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		-	139.747.034
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	2.520.417.047	19.248
22	7. Chi phí tài chính	17	2.039.050.445	1.517.000.723
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.039.050.445	1.517.000.723
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	737.372.162	350.300.407
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		(256.005.560)	(1.727.534.848)
31	11. Thu nhập khác	19	80	-
32	12. Chi phí khác	20	72.186.533	74.179.132
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(72.186.453)	(74.179.132)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(328.192.013)	(1.801.713.980)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(328.192.013)	(1.801.713.980)
	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	(11)	(60)

Người lập biểu



Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng



Đỗ Phương Dung

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Trần Việt Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(328.192.013)	(1.801.713.980)
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(481.366.602)	1.516.981.475
02	- Khấu hao tài sản cố định		
03	- Các khoản dự phòng	-	
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(2.520.417.047)	(19.248)
06	- Chi phí lãi vay	2.039.050.445	1.517.000.723
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(809.558.615)	(284.732.505)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	320.280.994.789	(23.550.161.978)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(171.313.924.259)	1.517.859.424
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	-	
14	- Tiền lãi vay đã trả	(287.720.534)	(1.343.141.638)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	147.869.791.381	(23.660.176.697)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(148.000.000.000)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	2.000.000	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	285.629	19.248
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(147.997.714.371)	19.248
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		62.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(38.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	23.500.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(127.922.990)	(160.157.449)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	296.086.826	712.054.256
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	168.163.836	551.896.807

Người lập biểu



Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng



Đỗ Phương Dung

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Trần Việt Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam được thành lập theo quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101971512 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 vào ngày 12 tháng 06 năm 2023.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: A28-BT6, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cảnh, Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng). Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 30.000.000 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên tại 30/06/2023 là: 09 người

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại – Dịch vụ - Xây dựng

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Bán buôn vật liệu xây dựng

Các sự kiện ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 09/09/2022, Chi cục thuế Quận Nam Từ Liêm ra thông báo số 23002/TB-CCT-Ktr2 về việc Công ty cổ phần CNC Capital Việt Nam không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên trang điện tử của Tổng Cục Thuế Việt Nam, cũng theo thông báo này Công ty bị ngừng sử dụng hóa đơn và mã số thuế trong các giao dịch kinh tế. Theo công văn số 12843/TB-CCT-KTNDP ngày 30/03/2023 của Chi cục thuế Nam Từ Liêm, Công ty đã được Chi cục thuế Quận Nam Từ Liêm khôi phục mã số thuế và đã tiếp tục được sử dụng hóa đơn.

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty không phát sinh Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính mà chỉ phát sinh doanh thu hoạt động tài chính từ 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời

điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- *Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;*
- *Chi phí đi vay vốn;*
- *Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;*
- *Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...*

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ	164.979.033		279.090.087	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.184.803		16.996.739	
Cộng	168.163.836		296.086.826	

4. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	2.000.000	-
- Kỳ hạn 12 tháng			2.000.000	-
Cộng	-	-	2.000.000	-

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ngắn hạn	7.238.300		60.000.000	
Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - CN Hà Thành			60.000.000	
Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đông Nam Á	7.238.000			
Các đối tượng khác	300			
Cộng	7.238.300		60.000.000	

6. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
a. Ngắn hạn	5.424.360.332	-	323.166.390.396	-	
Tạm ứng	160.000.000	-	854.000.000	-	
Phải thu khác (*)	5.264.360.332	-	322.312.390.396	-	
b. Dài hạn	300.000.000.000	-	-	-	
Phải thu khác (*)	300.000.000.000	-	-	-	
Cộng	305.424.360.332	-	323.166.390.396	-	

(*) Chi tiết khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	5.264.360.332	-	322.312.390.396	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	538.038.356	-	322.312.390.396	-
Công ty TNHH dịch vụ và tiếp vận THT	2.550.228.914	-		-
Công ty CP Xây dựng và Công nghệ PCCC HIC	593.648.569	-		-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát	1.388.444.493	-		-
Các đối tượng khác	194.000.000	-		-
Dài hạn	300.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (1)	152.000.000.000	-		-
Công ty CP Xây dựng và Công nghệ PCCC HTC (2)	48.000.000.000	-		-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát (3)	100.000.000.000	-		-
Cộng	305.264.360.332	-	322.312.390.396	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAMA28-BT6, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cảnh, P. Mỹ Đình 2, Q.
Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

(1) Đây là khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1106/HĐHTKD/TĐP-CNC ngày 11 tháng 06 năm 2023 về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án Tổ hợp nhà ở chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê VIWASEEN Hạ Đình. Theo đó, Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam đồng ý góp số tiền là 152 tỷ đồng, thời gian góp vốn là 02 năm. Công ty CP CNC Capital Việt Nam sẽ có quyền mua sản phẩm thương mại thuộc dự án Tổ hợp nhà ở chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê VIWASEEN Hạ Đình với giá ưu đãi là 5 triệu đồng/m² với giá trị tối đa sản phẩm mua bằng 152 tỷ đồng. Ngoài ra, trong thời gian 2 năm góp vốn đầu tư sẽ được hưởng số tiền lãi từ số tiền đầu tư trên với mức lãi suất cố định 6,8%/năm.

(2) Đây là khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1804/HĐHTKD/HTC-CNC ngày 18 tháng 04 năm 2023 về việc hợp tác để thực hiện hoạt động kinh doanh về thiết bị phòng cháy chữa cháy, bất động sản và vật liệu xây dựng. Theo đó, Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam sẽ góp số tiền là 48 tỷ đồng (chiếm 50% tổng vốn theo kế hoạch kinh doanh) theo trong thời hạn 02 năm. Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Ngoài ra, trong thời gian 02 năm Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam sẽ được hưởng số tiền lãi trên số tiền đầu tư với mức lãi suất cố định là 6,8%/năm.

(3) Đây là khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0604/HĐHTKD/TP-CNC ngày 06 tháng 04 năm 2023 về việc hợp tác để thực hiện hoạt động kinh doanh về thiết bị y tế và vật liệu xây dựng. Theo đó, Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam sẽ góp số tiền là 100 tỷ đồng (chiếm 70% tổng vốn theo kế hoạch kinh doanh) trong thời hạn 02 năm. Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh sẽ được phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Ngoài ra, trong thời gian 02 năm Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam sẽ được hưởng số tiền lãi trên số tiền đầu tư với mức lãi suất cố định là 6,8%/năm.

7. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.121.881.857	1.121.881.857	2.753.372.894	2.753.372.894
Công ty CP phát triển CN Vạn Phúc	-	-	1.461.898.597	1.461.898.597
Công ty TNHH xúc tiến TM Hương Linh	1.022.618.779	1.022.618.779	1.022.618.779	1.022.618.779
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	66.000.000	66.000.000	-	-
Các đối tượng khác	33.263.078	33.263.078	268.855.518	268.855.518
Cộng	1.121.881.857	1.121.881.857	2.753.372.894	2.753.372.894

8. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	2.550.228.914	20.236.010.000
Công ty Cổ phần STEVIA TDP Việt Nam	2.550.228.914	11.393.119.457
Công ty TNHH dịch vụ và tiếp vận THT	-	8.842.890.543
Các đối tượng khác	-	-
Cộng	2.550.228.914	20.236.010.000

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Phải nộp						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.842.009.100	-	-	-	1.842.009.100
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	248.596.763	74.186.533	74.186.533	-	248.596.763
Cộng	-	2.090.605.863	74.186.533	74.186.533	-	2.090.605.863

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	2.082.505.253	331.175.342
- Chi phí lãi vay	2.082.505.253	331.175.342
- Khác		
Cộng	2.082.505.253	331.175.342

11. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	206.983.501	203.635.637
Bảo hiểm xã hội	154.788.785	161.804.589
Bảo hiểm y tế	38.632.982	29.866.790
Bảo hiểm thất nghiệp	13.561.734	11.964.258
Cộng	206.983.501	203.635.637

12. Vay và nợ thuê tài chính

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28-BT6, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cán, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	21.123.068.230
- Tăng vốn trong năm trước				
- Lãi trong năm trước				-
- Lỗ trong năm trước				(60.925.416.560)
Số dư đầu kỳ này	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	(39.802.348.330)
- Tăng vốn trong kỳ				
- Lãi trong kỳ này				(328.192.013)
- Lỗ trong kỳ này				(40.130.540.343)
Số dư cuối kỳ	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	261.297.976.817

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Bà Nguyễn Thị Định	64.472.000.000	21,49%	64.472.000.000	21,49%
Bà Nguyễn Thị Chi Phương	35.302.000.000	11,77%	35.302.000.000	11,77%
Ông Ngô Tiến Quang Huy	25.000.000.000	8,33%	25.000.000.000	8,33%
Các đối tượng khác	175.226.000.000	58,41%	175.226.000.000	58,41%
Cộng	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

f. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.248.825.147	1.248.825.147

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng		21.863.727.216
Cộng	-	21.863.727.216

15. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng		21.723.980.182
Cộng	-	21.723.980.182

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	285.629	19.248
Lãi hợp tác kinh doanh	2.520.131.418	
Cộng	2.520.417.047	19.248

17. Chi phí tài chính	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi vay	2.039.050.445	1.517.000.723
Khác		
Cộng	2.039.050.445	1.517.000.723
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	304.872.599	194.600.410
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.976.888	125.199.997
Chi phí khác bằng tiền	1.522.675	30.500.000
Cộng	737.372.162	350.300.407
19. Thu nhập khác	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập khác	80	
Cộng	80	-
20. Chi phí khác	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền phạt hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	70.186.533	74.179.132
Chi phí khác	2.000.000	
Cộng	72.186.533	74.179.132
21. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nhân công	304.872.599	194.600.410
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.976.888	125.199.997
- Chi phí khác bằng tiền	1.522.675	30.500.000
Cộng	737.372.162	350.300.407
22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	(328.192.013)	(1.801.713.980)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	72.186.533	75.302.814
Các khoản điều chỉnh tăng	72.186.533	75.302.814
- Chi phí không hợp lệ	72.186.533	75.302.814
Các khoản điều chỉnh giảm	-	
Lợi nhuận chịu thuế	(256.005.480)	(1.726.411.166)
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh thuế TNDN truy thu từ năm trước		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(328.192.013)	(1.801.713.980)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(328.192.013)	(1.801.713.980)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(11)	(60)

24. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Tiến Đại Phát bằng bù trừ công nợ	152.000.000.000	

25. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

26. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.163.836		296.086.826	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	307.981.827.546	-	323.226.390.396	
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	-		2.000.000	
Đầu tư dài hạn	-		-	
Cộng	308.149.991.382	-	323.524.477.222	-

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	36.300.000.000	36.300.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.328.865.358	2.957.008.531
Chi phí phải trả	2.082.505.253	331.175.342
Cộng	39.711.370.611	39.588.183.873

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.163.836			168.163.836
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.431.598.632	300.000.000.000		305.431.598.632
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Cộng	5.599.762.468	300.000.000.000	-	305.599.762.468
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.086.826			296.086.826
Phải thu khách hàng, phải thu khác	323.226.390.396	-		323.226.390.396
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000			2.000.000
Cộng	323.524.477.222	-	-	323.524.477.222

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	36.300.000.000	-		36.300.000.000
Phải trả người bán, phải trả	1.328.865.358	-		1.328.865.358
Chi phí phải trả	2.082.505.253	-		2.082.505.253
Cộng	39.711.370.611	-	-	39.711.370.611
Số đầu năm				
Vay và nợ	36.300.000.000	-		36.300.000.000
Phải trả người bán, phải trả	2.957.008.531	-		2.957.008.531
Chi phí phải trả	331.175.342	-		331.175.342
Cộng	39.588.183.873	-	-	39.588.183.873

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng	Tổng
Đơn vị tính: VND		
Doanh thu thuần ra bên ngoài	-	-
Chi phí bộ phận	-	-
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	737.372.162	737.372.162
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(737.372.162)	(737.372.162)
Doanh thu hoạt động tài chính	2.520.417.047	2.520.417.047
Chi phí tài chính	2.039.050.445	2.039.050.445
Thu nhập khác	80	80
Chi phí khác	72.186.533	72.186.533
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(328.192.013)	(328.192.013)

28. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này
Ông Trần Việt Hùng	Chủ tịch HĐQT	55.780.000
Ông Nguyễn Hữu Lợi	Tổng Giám đốc	31.780.000
Bà Đỗ Phương Dung	Kế toán trưởng	21.700.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

29. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, lỗ lũy kế của Công ty là 40.130.540.343 VND, nợ phải trả ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là: 39.030.215.196 VND. Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty chủ yếu là số dư nợ Ngân sách nhà nước là 2.090.605.863 VND; Nợ gốc vay ngân hàng là 36.300.000.000 VND; lãi vay Ngân hàng ước tính phải trả là 2.082.505.253 VND và các khoản nợ phải trả khác. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận trong tương lai từ các dự án hợp tác kinh doanh.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng

Đỗ Phương Dung

Chủ tịch HĐQT



Trần Việt Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

A28-BT6, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cán, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Phụ lục số 01:**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	36.300.000.000	36.300.000.000	-	-	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	36.300.000.000	36.300.000.000			Số có khả năng trả nợ
Tổng cộng	36.300.000.000	36.300.000.000	-	-	36.300.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:**Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT384-CNC ngày 16 tháng 03 năm 2022**

Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ

Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ

Đảm bảo khoản vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT384-TDP ngày 29/07/2021 và các văn bản bổ sung đi kèm.

Số dư tại 30/06/2023 là: 36.300.000.000 đồng

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Ngày đến hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay			
- Khoản vay số 801005194865	30/1/2023	5.150.000.000	
- Khoản vay số 801005196921	1/2/2023	3.895.939.004	
- Khoản vay số 801005287952	27/3/2023	5.535.000.000	
- Khoản vay số 805005297838	3/4/2023	14.265.000.000	
- Khoản vay số 805005198169	1/2/2023	1.254.060.996	
- Khoản vay số 801005192449	30/1/2023	6.200.000.000	
Cộng		36.300.000.000	-

